TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:62/2018/DS-ST
Ngày:08-8-2018.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ

2. Bà Võ Thị Ngọc Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:34/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:47/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: - Nguyễn Văn T, sinh năm 1967;

- Nguyễn Thị D, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt chị M; vắng mặt ông T, bà D)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự có ý kiến như sau:

* Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M trình bày: Từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 3 năm 2016, chị có cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D vay tài sản nhiều lần, không tính lãi, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 27/8/2014, vay 11 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 và 20.000.000đồng, thời hạn vay 03 tháng.

Lần 2: Ngày 28/8/2014, vay 5.000.000đồng, thời hạn vay 03 tháng.

Lần 3: Ngày 27/11/2014, vay 05 chỉ vàng 24k loại vàng 9999, thời hạn vay 03 tháng.

Lần 4: Ngày 03/02/2015 , vay 30.000.000đồng, thời hạn vay 03 tháng.

Lần 5: Ngày 11/4/2015, vay 02 chỉ vàng 24k loại vàng 9999, thời hạn vay 03 tháng.

Lần 6: Ngày 27/01/2016, vay 21.000.000đồng, thời hạn vay 03 tháng.

Lần 7: Ngày 06/3/2016, vay 02 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 và 2.000.000đồng, thời hạn vay 02 tuần.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D nhiều lần nhưng ông T, bà D vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D. Chị M yêu cầu ông T, bà D trả số tiền vay 78.000.000đồng và 20 chỉ vàng 24k loại vàng 9999, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, pháp luật áp dụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Tuyết M yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D trả cho bà số tiền vay 78.000.000đồng và 20 chỉ vàng 24k loại vàng 9999, thời điểm thực hiện giao dịch vay tiền, vàng là năm 2015, năm 2016 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn

cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết M yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D trả số tiền vay 78.000.000đồng và 20 chỉ vàng 24k loại vàng 9999. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa chị Lê Thị Tuyết M và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D tuy không có xác lập hợp đồng bằng văn bản nhưng ông T, bà D có làm biên nhận nợ ghi rõ số tiền vay, thời hạn vay, thời hạn trả nợ và ông T, bà D có ký tên vào biên nhận nợ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa chị Lê Thị Tuyết M và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D là có thật. Tại biên nhận ngày 27/8/2014 (bút lục số 02), ông T bà D xác nhận có nợ chị M 11 chỉ vàng 24k và 20.000.000đồng; biên nhận ngày 28/8/2014 (bút lục số 02), ông T bà D xác nhận có nợ chị M 5.000.000đồng; biên nhận ngày 27/11/2014 (bút lục số 03), ông T bà D xác nhận có nợ chị M 05 chỉ vàng 24k; biên nhận ngày 03/02/2015 (bút lục số 04), ông T bà D xác nhận có nợ chị M 30.000.000đồng; biên nhận ngày 11/4/2015 (bút lục số 04), ông T bà D xác nhận có nợ chị M 02 chỉ vàng 24k; biên nhận ngày 27/01/2016 (bút lục số 05), ông T bà D xác nhận có nợ chị M 21.000.000đồng; biên nhận ngày 06/3/2016 (bút lục số 06), ông T bà D xác nhận có nợ chị M 02 chỉ vàng 24k và 2.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nói rõ các chứng cứ nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện cho ông T, bà D được biết và có văn bản nêu rõ ý kiến của mình nhưng ông T, bà D không có ý kiến, do vậy ông T, bà D phải chịu hậu quả pháp lý của việc không có ý kiến theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết M.

[4] Về tiền lãi: Chị Lê Thị Tuyết M không yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D trả số tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về phương thức trả nợ, thời hạn trả nợ: Chị Lê Thị Tuyết M yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D trả số tiền vay 78.000.000đồng và 20 chỉ vàng 24k loại vàng 9999, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D đã vi phạm hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, chị M đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà D trả tiền vay nhưng ông T, bà D không trả mà còn cố tình trốn tránh làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị M. Do vậy, chị M yêu cầu ông T, bà D trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ (20 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 giá 70.000.000đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Tuyết M, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết M.

- Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D trả cho chị Lê Thị Tuyết M số tiền vay 78.000.000đồng (bảy mươi tám triệu đồng) và 20 chỉ vàng 24k loại vàng 9999. Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày chị Lê Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D chậm thi hành việc trả tiền thì ông T, bà D còn phải trả thêm số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D phải chịu 7.400.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị Tuyết M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Lê Thị Tuyết M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.650.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 19155 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị Tuyết M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương